TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11-ĐÀ NẴNG** **--------** **Số: 20/2025/QĐST-HNGĐ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ các Điều 212, 396, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2018/UBTVQH14 ngày 30/12/2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 18/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2025 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc HNGĐ:*

1. Anh Đỗ Văn B, sinh năm 1984; địa chỉ: thôn P, xã B, thành phố Đà Nẵng.

2. Chị Đinh Thị L, sinh năm 1992; địa chỉ: thôn P, xã B, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Đỗ Văn B và chị Đinh Thị L tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện N, Quảng Nam (nay là xã B, thành phố Đà Nẵng) ngày 09/5/2016 (Giấy CNKH số 06/2016). Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định pháp luật.

Xét thực trạng quan hệ hôn nhân vợ chồng thì thấy: Anh B và chị L trong quá trình chung sống hạnh phúc được khoảng 5-6 năm thì phát sinh những bất đồng quan điểm về lối sống, không có tiếng nói chung, nay anh chị không còn thương yêu nhau nữa và đã ly thân từ tháng 3/2025. Nay anh B và chị L xét thấy hạnh phúc vợ chồng đã thực sự tan vỡ, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên thỏa thuận ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn giữa vợ chồng. Xét sự thuận tình ly hôn giữa vợ chồng là tự nguyện, phù hợp với thực tế và không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên công nhận.

[2] Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] **Về tài sản chung:** Anh B và chị L thống nhất khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. **Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm**: Anh B và chị L phải chịu là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận ý kiến thuận tình ly hôn ngày 03/9/2025, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đỗ Văn B và chị Đinh Thị L (Giấy CNKH số 06/2016, đăng ký tại UBND xã C, huyện N, Quảng Nam (nay là xã B, thành phố Đà Nẵng) vào ngày 09/5/2016.

1.2. Về con chung: Anh B và chị L khai nhận chưa có con chung, nên không đề cập.

1.3. Về tài sản chung: Anh B và chị L thống nhất khai không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) anh Đỗ Văn B và chị Đinh Thị L phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) anh V và chị L đã nộp theo biên lai thu số 0002197 ngày 03/9/2025 của T án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 11-Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Nguyễn Hùng